

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM KHI SỬ DỤNG THÌ, THỂ TRONG TIẾNG ANH VÀ CÁCH KHẮC PHỤC

DIFFICULTIES IN USING TENSE-ASPECT IN ENGLISH
OF VIETNAMESE STUDENTS AND SOLUTIONS TO OVERCOME

LƯƠNG BÁ PHƯƠNG

(NCS-ThS; Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Abstract: When studying a language, students often encounter many difficulties of which grammatical errors relating to *tense- aspect* is the visible one. To assist them overcome this obstruction, the article focuses on finding out the causes and giving possible suggestion that may help them.

Key words: Tense- aspect difficulties.

1. Khi học một ngôn ngữ, người sử dụng thường gặp rất nhiều khó khăn, một trong những khó khăn lớn nhất là do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa giữa các ngôn ngữ. Vấn đề này đã có nhiều nghiên cứu, chẳng hạn, theo Weinreich [5] "những sai lệch so với chuẩn mực của cả hai ngôn ngữ xảy ra trong lời nói của người nói hai thứ tiếng là do sự quen thuộc của họ đối với ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia. Đó là kết quả của sự tiếp xúc ngôn ngữ". Tư tưởng của ông sau này được Lado [1], Stockwell [3], Schachter [2] và nhiều nhà nghiên cứu khác tiếp tục phát triển khi họ tiến hành so sánh đối chiếu giữa ngôn ngữ và văn hoá của tiếng mẹ đẻ với ngôn ngữ và văn hoá của ngôn ngữ đích để dự báo những khó khăn hoặc các lỗi tiềm năng người học sẽ mắc phải trong quá trình học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Theo Lado [129] "các cá thể có xu hướng chuyển các dạng thức (form), ý nghĩa (meaning), và sự phân bố (distribution) các dạng thức và ý nghĩa của ngôn ngữ và văn hoá bản ngữ sang ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài - cả trong lúc sản sinh lời nói và ứng xử trong nền văn hoá đó lẫn trong lúc tiếp thụ ngôn ngữ - khi họ tìm cách nắm vững ngôn ngữ và văn hoá giống như người bản ngữ".

Như vậy, cần phải tìm hiểu và dự báo

trước những khó khăn mà người học có thể gặp phải để tìm cách giúp họ khắc phục chúng nhưng khó khăn này một cách hiệu quả. Trong bài viết này, những khó khăn chủ yếu được tập trung vào những lỗi *thì-thể* trong tiếng Anh mà sinh viên học tiếng Anh thường mắc phải trong quá trình tiếp thu và thực hành ngôn ngữ đích (nói và viết), và cả khi dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Chi tiết hơn, các lỗi liên quan đến việc chuyển tải các ý nghĩa ngữ pháp mà *thì-thể* trong ngôn ngữ Anh có khả năng biểu thị sang tiếng Việt và ngược lại.

2. Qua quá trình giảng dạy và qua các bài dịch thực hành thực tế của sinh viên, có thể khái quát những khó khăn cơ bản khi sử dụng *thì thể* mà người học¹ thường gặp nhưng khó khăn trong khi học tiếng Anh như sau:

Thứ nhất, do sự khác biệt về loại hình: Khó khăn đầu tiên dễ dàng nhận ra đó là sự khác biệt về loại hình giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt: tiếng Anh thuộc ngôn ngữ bán biến hình (semi-inflectional language) và tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình - ngôn ngữ đơn lập (isolating language).

Rất nhiều người Việt phải mất một thời

¹ Qua khảo sát thực tế của 300 sinh viên học tiếng Anh.

gian khá dài để có thể làm quen với cách chia các động từ ở các thì khác nhau và các ngôi khác nhau. Ví dụ: Khi được yêu cầu chuyển tải câu "Sáng nay anh ấy ra bãi biển" sang tiếng Anh thay vì nói "This morning He went to the beach" thì họ lại nói "This morning he goes to the beach"

Trong câu trên do thói quen ở tiếng mẹ đẻ là động từ thường không chia, nên trong tiếng Anh động từ "go" đứng ra phải chia ở quá khứ "went" nhưng ở đây động từ này lại không chia ở thì quá khứ thậm chí cũng không chia ngôi thứ ba số ít ở thì hiện tại "goes". Kết quả khảo sát có đến 12% số sinh viên nhầm lẫn về lỗi này trong các bài dịch thực hành ở giai đoạn đầu.

Mỗi thì trong tiếng Anh được gắn với các chức năng khác nhau nhưng trong nhiều trường hợp có thể thay thế được cho nhau, chẳng hạn, thì quá khứ hoàn đơn (QKĐ) và hiện tại hoàn thành (HTHT). Ví dụ như câu hỏi trong tiếng Việt "Bạn đã đọc "Nam Cao" chưa?" thì tiếng Anh có thể nói: "Did you read "Nam Cao"?" hoặc "Have you read Nam Cao"? Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho người học. Hiện tượng động từ chia ở thì hiện tại đơn hay hiện tại tiếp diễn nhưng lại biểu thị hành động trong tương lai; động từ chia ở thì hiện tại đơn (HTĐ) nhưng lại diễn tả hành động trong quá khứ; thì hiện tại hoàn thành (HTHT) có thể được dùng trong tương lai; thì quá khứ nhưng biểu thị hành động ở hiện tại,... khiến hệ thống thì trong tiếng Anh, đôi khi, trở thành một "mê cung" đối với người học.

Thứ hai, khó khăn do không có sự thống nhất giữa hình thức và chức năng: Cùng một thì trong tiếng Anh có thể biểu thị các ý nghĩa ngữ pháp khác nhau. Ví dụ, thì HTĐ có thể vừa biểu thị hành động lặp đi lặp lại, thói quen,... nhưng cũng có thể biểu thị hành động trong tương lai: *I will do it when she comes* (Tôi sẽ làm điều đó khi cô ấy tới); thì HTĐ được dùng để chỉ hành động đang xảy ra ở thời điểm người nói đang nói đến có thể biểu

thị hành động trong tương lai: *They are coming soon* (Họ sẽ tới ngay bây giờ). Thậm chí nó còn được sử dụng để nhấn mạnh một sự tình xảy ra ở hiện tại: *She is always complaining about money* (Bà ta lúc nào cũng cần tiền về chuyện tiền nong).

Thứ ba, do không có tương đương về mặt hình thức của thì, thể giữa hai thứ tiếng: Rõ ràng là có sự khác biệt rất lớn về mặt hình thức của thì, thể giữa tiếng Anh và tiếng Việt (tiếng Anh thuộc loại ngôn ngữ bán biến hình, tiếng Việt thuộc ngôn ngữ đơn lập). Đặc điểm này gây rất nhiều khó khăn cho người Việt khi học tiếng Anh, đặc biệt đối với những người mới học. Và lại, việc trong tiếng Việt hiện nay không có sự thống nhất về thì-thể giữa các nhà nghiên cứu cũng là một trở ngại không nhỏ cho việc dạy và học tiếng, đặc biệt trong sử dụng và trong việc dịch thuật Anh - Việt, Việt - Anh. Ví dụ: Một trạng từ chỉ thì thể trong tiếng Việt có thể được sử dụng trong nhiều thì-thể trong tiếng Anh:

TT	Tiếng Việt	Tiếng Anh
1	Đã	- Quá khứ đơn: <i>He came back</i> - Anh ấy đã về - Quá khứ hoàn thành: <i>He has just come back</i> - Anh ấy đã về - Quá khứ HTĐ: <i>He had come back</i> - Anh ấy đã về.
2	Đang	- Hiện tại đơn: <i>She works in a bank</i> - Cô ấy đang làm việc ở ngân hàng. - Hiện tại tiếp diễn: <i>She is working in the bank</i> - Cô ấy đang làm việc ở ngân hàng. - Quá khứ tiếp diễn: <i>She was working in the bank</i> - Cô ấy đang làm việc ở ngân hàng.
3	Sẽ	- Tương lai đơn: <i>They will arrived</i> - họ sẽ đến. - hiện tại tiếp diễn biểu thị tương lai gần: <i>They are arriving this morning</i> - sáng nay họ sẽ đến. - Tương lai gần: <i>They are going to arrive</i> - Họ sẽ đến.

Thứ tư, khó khăn trong việc sử dụng các phó từ chỉ thì-thể trong tiếng Việt ("đã", "đang" và "sẽ"): Việc sử dụng các phó từ "đã", "đang" và "sẽ" có thể cũng là một vấn đề đối với người Việt Nam học tiếng Anh, vì rằng trong rất nhiều trường hợp, việc dùng các phó từ này tùy thuộc vào người sử dụng. Vậy tiêu chí nào để xác định việc không dùng hay có dùng các phó từ này là "đúng", là "chuẩn mực"? Hay được coi là tương đương tốt nhất đối với thì, thể trong nguyên bản tiếng Anh. Có những trường hợp trong văn bản dịch tiếng Việt, phó từ "đang" lại được sử dụng để chuyển tải ý nghĩa ngữ pháp của thì QKĐ trong tiếng Anh, ví dụ: *They sat by the fire* (Họ đang ngồi bên bếp lửa).

Hơn nữa, sinh viên cũng có thể sử dụng thể tiếp diễn trong khi thể đơn giản mới là thích hợp. Ví dụ, "*I am knowing the answer*" thay vì "*I know the answer*"; "*I am wanting to see you*" thay vì "*I want to see you*"; "*I am believing you*" thay vì "*I believe you*". Sở dĩ nhiều sinh viên nhầm lẫn về hai thể này có thể là do họ không nhận ra rằng các động từ biểu thị trạng thái, động từ nhận thức về tinh thần và động từ nhận thức giác quan trong tiếng Anh không được sử dụng trong thể tiếp diễn. Những sinh viên này có thể nghĩ rằng một hành động xảy ra tại thời điểm nói là tiếp diễn, điều này dẫn đến các lỗi của họ.

3. Câu hỏi đặt ra là, làm thế nào để giúp họ khắc phục được những khó khăn này. Trong khuôn khổ của một bài viết chúng tôi xin đưa ra các gợi ý như sau:

1) **Cảnh báo cho người học các loại lỗi có thể bị mắc:** Việc cảnh báo cho người học có một vị trí hết sức quan trọng. Vì rằng, một khi đã được báo trước, người học sẽ chủ động hơn trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ và rất có thể, người học sẽ chủ động tiếp cận vấn đề trước khi được học trên lớp. Làm được như vậy, người học sẽ hiểu vấn đề sâu hơn và nhớ nhanh hơn trong quá trình học.

2) **Cung cấp cho người học những cách xử lý thì, thể hay và hữu dụng:** Tìm được

những ví dụ hay về cách xử lý những rắc rối mà "thì, thể" có thể gây ra thông qua các ví dụ do thực tiễn dịch thuật mang lại cho người học là một cách làm hay và hiệu quả. Đùng như người xưa vẫn nói "trăm nghe không bằng một thấy". Người học có thể tiếp nhận ngay các cách xử lý trong từng trường hợp cụ thể, đồng thời từ thực tiễn sinh động đó mà chủ động sáng tạo trong những trường hợp tương tự. Điều đó giúp họ có được tự tin, sáng tạo trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ.

3) **Tạo cơ hội để người học thực hành:** Dịch xuôi, ngược các ví dụ, văn bản liên quan đến "thì, thể" trong tiếng Anh là một cách làm hiệu quả. Trải nghiệm sẽ đem đến những kinh nghiệm quý báu cho người học. Tham gia vào dịch thuật càng nhiều, người học càng tích lũy được các kinh nghiệm quý báu. Đối với vấn đề thì, thể cũng không ngoại lệ. Thực tế sẽ cho ta những bài học đáng giá nhất.

4. Những khó khăn và những đề xuất của chúng tôi đều dựa trên kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh và các lỗi qua khảo sát thực tế các bài dịch của sinh viên mà chúng tôi đã trình bày trong bài viết. Hi vọng những đề xuất của chúng tôi ít nhiều giúp người học giảm bớt khó khăn trong khi tiếp cận với khu vực ngữ pháp đầy phức tạp nhưng cũng không ít thú vị này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lado, R. (1957), *Linguistics across culture*. The University of Michigan Press.
2. Schachter, S. (1959), *The psychology of affiliation*. Stanford, CA: Stanford University Press.
3. Stockwell, Robert P. (1957), *A contrastive analysis of English and tagalog*. Los Angeles: University of California.
4. Weinrich H. (1985), *Coin and word: Investigation of an image field in language in texts*, Stuggar: Klett.
5. Weinreich E. (1953), *Languages in contact, findings and problems*. New York, Linguistic Circle of New York.